TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: **653/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/11/2019
V/v tranh chấp: "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Hoàng Hoa;

2. Ông Lê Anh Chiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Bà Lý Nguyễn A Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2019 về việc " yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/11/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2019/QĐ-DS-ST ngày 14/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Minh A**, sinh năm 1996; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Phan Thanh B,** sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bảng tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh B qua quen biết, tìm hiểu và sống chung như vợ chồng từ năm 2017 có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 24/5/2019 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Phan Thanh B đã được tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt và không có gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu của chị A.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa nguyên đơn có thực hiện đúng các qui định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát có lập luận và kết luận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A có căn cứ, bởi vì anh chị có chung sống như vợ chồng, có con chung, nhưng không đăng ký kết hôn theo qui định luật hôn nhân và gia đình, do đó chị A xin ly hôn đề nghị tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; Về con chung đề nghị tòa giao cho chị A tiếp tục nuôi vì cháu còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị A tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Minh A và anh Phan Thanh B qua tìm hiểu, tự nguyện sống chung và cưới nhau năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận, nay phát sinh tranh chấp được xem xét giải quyết theo qui định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Chị A yêu cầu được ly hôn với anh B, anh B không có ý kiến gì, vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tuyên bố không công nhận chị A và anh B là vợ chồng theo qui định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

[4] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 24/5/2019 hiện đang sống với chị A, khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung; Xét yêu cầu xin tiếp tục nuôi con chung của chị A là có căn cứ, bởi lẽ anh B không có ý kiến gì về tranh chấp nuôi

con chung và cháu M hiện còn rất nhỏ cũng đang cần sự chăm sóc của chị A do đó cần để ổn định cho cháu nên tiếp tục giao con chung cho chị A nuôi dưỡng

[5] Về tài sản chung: Chị A khai không có;

[6] Về nợ chung: Chi A khai không có;

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Minh A và anh Phan Thanh B là vợ chồng.

- **Về con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh ngày 24/5/2019 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung;

- **Về tài sản chung, nợ chung**: Không có;

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Minh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003025 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện E nên xem như chị A đã nộp xong án phí.

Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện E (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ, án văn

NGUYỄN THỊ MỸ LIL